

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST

Ngày 27/8/2019

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Thanh Bình, ông Phạm Đình Thìn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại viện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Luyện - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang.

Trong ngày 27/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 258/2019/TLST-HNGĐ ngày 11/7/2019 về việc tranh chấp Hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09/8/2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Tạ Thị H, sinh năm 1986 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: thôn Cò, xã M, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

Chỗ ở: thôn Hạ, xã M, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1985 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn Cò, xã M, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Tạ Thị H trình bày: Chị tự nguyện kết hôn với anh Bùi Văn T vào ngày 23/8/2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn Cò, xã M, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận. Đến năm 2013, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn to tiếng, cãi chửi nhau do bất đồng quan điểm sống. Nhưng vì con nhỏ nên chị vẫn tiếp tục chung sống cùng anh T. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Đến cuối tháng 6/2019 vợ chồng lại tiếp tục mâu thuẫn, anh T đã đánh chị phải đi bệnh viện điều trị nên chị đã về nhà bố mẹ ở cho đến nay không quay về chung sống cùng anh T nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: vợ chồng chị có 02 con chung là Bùi Ngọc Bảo, sinh ngày 23/9/2009 và Bùi Ngọc Anh, sinh ngày 09/4/2014. Ly hôn chị xin được nuôi dưỡng

cháu Ngọc Anh, đồng ý cho anh T nuôi dưỡng cháu Ngọc Bảo.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo, bị đơn là anh Bùi Văn T trình bày: Anh xác nhận thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn như chị H trình bày là đúng. Về quá trình chung sống, vợ chồng anh sống hạnh phúc cho đến khoảng tháng 7/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, to tiếng cãi nhau do chị H bị lừa mất số tiền khoảng 40.000.000đ trên Facebook, kể từ đó vợ chồng không cùng chung về kinh tế nữa nên bất đồng quan điểm sống với nhau. Khoảng tháng 4/2019 vợ chồng tiếp tục phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng trong việc làm ăn kinh tế gia đình. Chị H vẫn buôn bán hàng mỹ phẩm trên mạng xã hội, thường xuyên đi ra ngoài làm không bảo gì, không bàn bạc gì với anh. Tiếp đó, ngày 30/6/2019 vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, chị H có chửi anh nên anh có tát chị H một cái nhưng không bị thương tích gì. Chị H đã về nhà bố mẹ đẻ từ đầu tháng 7/2019 cho đến nay, không quay về chung sống cùng với anh nữa. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh muốn vợ chồng về đoàn tụ chung sống cùng nhau để nuôi dạy con chung. Vì vậy chị H xin ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Bùi Ngọc Bảo, sinh ngày 23/9/2009 và Bùi Ngọc Anh, sinh ngày 09/4/2014. Nếu ly hôn anh xin được nuôi dưỡng cháu Bảo, đồng ý để chị H nuôi dưỡng cháu Anh.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng anh không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân nơi anh T, chị H cư trú thấy: Anh T, chị H kết hôn với nhau vào tháng 8/2008. Sau khi kết hôn chị H, anh T chung sống cùng nhau tại thôn Cò, M, Lạng Giang, Bắc Giang. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến khoảng năm 2015 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn to tiếng, cãi nhau. Vào cuối tháng 6/2019 anh T, chị H mâu thuẫn trầm trọng đánh chửi nhau, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống kể từ đó đến nay không quay về chung sống cùng anh T nữa.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa: Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T; đề nghị được nuôi dưỡng cháu Ngọc Anh, đồng ý để anh T nuôi dưỡng cháu Ngọc Bảo.

Anh T không đồng ý ly hôn với chị H; Về con chung thì anh đồng ý để chị H nuôi cháu Ngọc Anh, còn anh nuôi dưỡng cháu Ngọc Bảo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật.

- Nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị H được ly hôn anh Bùi Văn T.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị H và anh T: chị Tạ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Ngọc Anh, sinh ngày 09/4/2014; anh Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Ngọc Bảo, sinh ngày 23/9/2009.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn khởi kiện của chị Tạ Thị H cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Lạng Giang. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự pháp luật đã quy định. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm túc, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều có mặt.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị H và anh Bùi Văn T có đăng ký kết hôn vào ngày 23/8/2008 tại UBND xã M, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh T là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Lời khai của chị H, anh T phù hợp với biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương đều xác định vợ chồng chị H, anh T có xảy ra nhiều mâu thuẫn to tiếng, cãi nhau, xô xát đánh nhau từ năm 2015 và đã có khoảng thời gian sống ly thân từ ngày 30/6/2019 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H và ý kiến của anh T không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy rằng, trong thời gian sống chung vợ chồng không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ về nhân thân, không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ mọi việc, không giữ gìn, bảo vệ hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra từ năm 2015 không thể hàn gắn được và ngày càng trầm trọng dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ cuối tháng 6/2019 đến nay, việc này trái với các quy định tại các điều 19, 21 luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Từ

những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng: Tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị H, anh T có 02 con chung là Bùi Ngọc Bảo, sinh ngày 23/9/2009 và Bùi Ngọc Anh, sinh ngày 09/4/2014. Cháu Bảo đã trên 07 tuổi và có ý kiến xin được ở với anh T. Tại phiên tòa chị H, anh T đều thống nhất chị H nuôi dưỡng cháu Ngọc Anh, còn anh T nuôi dưỡng cháu Ngọc Bảo. Vì vậy, cần công nhận sự thỏa thuận về con chung giữa chị H, anh T.

Chị H, anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị H, anh T thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H, anh T đều không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị H, anh T có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H, anh T đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp tiền án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị H được ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị H và anh T: chị Tạ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Ngọc Anh, sinh ngày 09/4/2014; anh Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Ngọc Bảo, sinh ngày 23/9/2009.

Sau khi ly hôn chị H, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị H, anh T thực hiện quyền này.

Chị H, anh T có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Tạ Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0007291 ngày 11/7/2019 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Sang